

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 5 -2026

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2026/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm 1984 (có mặt)

Bị đơn: Anh **Cao Văn T**, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Đều cư trú: **Thôn N, xã V, tỉnh Phú Thọ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trịnh Thị H** trình bày:

Chị và anh **Cao Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ)** vào ngày 11/11/2005. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh **T**. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị **H** là do anh **T** có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Tháng 6/2025 chị **H** đã làm đơn xin ly hôn với anh **T**, sau đó chị xin rút toàn bộ đơn khởi kiện để vợ chồng anh chị về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, anh **T** vẫn không

thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Anh T đã bỏ đi khỏi nhà từ khoảng tháng 02/2026. Vợ chồng anh chị sống ly thân kể từ đó cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cao Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Cao Thế V, sinh ngày 24/8/2006; cháu Cao Đức P, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Cao Đức T1, sinh ngày 02/7/2013. Hiện cháu V đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P và cháu T1 hiện đang ở cùng chị H, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất canh tác và công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành làm việc trực tiếp được với anh T.

Quá trình xác minh, bà Tạ Thị L và ông Cao Thanh B là bố, mẹ đẻ của anh T cho biết: Từ khoảng tháng 02/2026, anh T bỏ nhà đi và có quan hệ tình cảm, chung sống với một người phụ nữ tên L1. Theo gia đình được biết, hiện anh T và chị L1 đang ở tại thôn V, xã V, tỉnh Phú Thọ. Gia đình ông bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng khác của Tòa án gửi cho anh T và đã thông báo lại cho anh T biết. Tuy nhiên, anh T không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H; chủ động chặn liên lạc với gia đình và không cho gia đình biết anh đang làm gì và ở đâu. Do vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Làm việc với chị Trần Thị Lương T2 tại thôn V, xã V, tỉnh Phú Thọ, chị L1 trình bày: Chị và anh T chỉ có quan hệ bạn bè ngoài xã hội, ngoài ra không có mối quan hệ nào khác. Anh Thuận không sinh sống tại nhà chị. thỉnh thoảng anh T cùng bạn bè đến chơi. Lần gần nhất anh T đến nhà chị là vào khoảng giữa tháng Giêng âm lịch năm 2026 để thăm chị khi chị bị ngã gãy tay. Trong quá trình tiếp xúc, anh T không trao đổi về tình trạng hôn nhân hay mâu thuẫn gia đình nên chị L1 không biết việc vợ chồng anh T có mâu thuẫn hay không. Từ thời điểm đó đến nay, chị không liên lạc và cũng không biết thông tin gì về anh T; chị không có số điện thoại của anh T để cung cấp cho Tòa án.

Theo kết quả xác minh tại Công an xã V ngày 31/3/2026: Qua tra cứu dữ liệu cư trú đối với công dân Cao Văn T, sinh ngày 13/7/1983, số CCCD 026083010501 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2021, xác định anh T đăng ký thường trú tại thôn N, xã V, tỉnh Phú Thọ và không có thông tin đăng ký tạm trú tại xã V, tỉnh Phú Thọ.

Theo xác minh tại UBND xã V ngày 26/3/2026: Chị Trịnh Thị H và anh Cao Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 11/11/2005. Quá trình chung sống, địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Anh chị có 03 con chung là cháu Cao Thế V, sinh ngày 24/8/2006; cháu Cao Đức P, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Cao Đức T1, sinh ngày 02/7/2013. Hiện cháu V đã thành niên, còn cháu P và cháu T1 đang ở cùng chị H. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H. Cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Cao Văn T.

Về con chung: Giao cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Đức P, sinh ngày 06/04/2009 và cháu Cao Đức T1, sinh ngày 02/07/2013. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Cao Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã

V, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Cao Văn T đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Cao Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 11/11/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo lời trình bày của nguyên đơn, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2024 do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo cho gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 2/2026 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nội dung trình bày của chị H phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của ông Cao Thanh B, bà Tạ Thị L là bố mẹ đẻ anh T về việc anh T bỏ nhà đi từ khoảng tháng 02/2026, có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác.

Mặc dù Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có mặt tại địa phương, không cung cấp địa chỉ nơi cư trú, làm việc hiện nay cho Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Do anh T có tình giấu địa chỉ nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Việc anh T không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện quan điểm đối với quan hệ hôn nhân và không có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa các bên đã kéo dài, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung:

Chị H và anh T có 03 con chung là cháu Cao Thế V, sinh ngày 24/8/2006; cháu Cao Đức P, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Cao Đức T1, sinh ngày

02/7/2013. Hiện cháu **V** đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu **P** và cháu **T1**, hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng chị **H**, cuộc sống và việc học tập ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **T** không có ý kiến về việc nuôi con sau ly hôn. Xét thấy chị **H** có nguyện vọng và đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu; đồng thời việc tiếp tục giao hai cháu cho chị **H** nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự ổn định về tâm lý, sinh hoạt và học tập của các cháu nên cần giao cháu **Cao Đức P** và cháu **Cao Đức T1** cho chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **H** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung; đây là sự tự nguyện của chị nên cần chấp nhận.

Sau khi ly hôn, anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, vay nợ, công sức, đất canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; bị đơn không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trịnh Thị H**. Cho chị **Trịnh Thị H** được ly hôn anh **Cao Văn T**;

2. Về con chung: Giao cho chị **Trịnh Thị H** được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Cao Đức P**, sinh ngày 06/04/2009 và cháu **Cao Đức T1**, sinh ngày 02/07/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh **Cao Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Trịnh Thị H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001797 ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị **H** đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- Cơ quan THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh An;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liên

